MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
CHẤT LƯỢNG LÀ UY TÍN

VIMCERTS 308 VALAS 180

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (VNEIC)
Trụ sở: 54E đường số 18, KP3, phường Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh
Địa chỉ: 75N/2A đường số 2, KP29, phường Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh
Hotline: 0938 751 465 E-mail: dautu.moitruong@gmail.com
Website: http://dautumoitruong.com.vn

Số: **VN260900499**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày 05 tháng 10 năm 2026

1. Đơn vị yêu cầu **CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA**

2. Địa điểm lấy mẫu **KHU CÔNG NGHIỆP TÂN PHÚ**

3. Địa chỉ Phường Tân Phú, Thành phố Đồng Nai

4. Kế hoạch lấy mẫu Theo phiếu yêu cầu lấy mẫu số 450/250926XN ký ngày 26/09/2026

5. Ngày lấy mẫu 26/09/2026

6. Điều kiện môi trường lấy mẫu Trời nắng

7. Loại mẫu Nước thải Số lượng mẫu: 01

8. Ngày nhận mẫu 28/09/2026 Ngày thử nghiệm 28/09/2026 - 05/10/2026

9. Ký hiệu mẫu

Tên mẫu	Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tình trạng mẫu	Phương pháp lấy mẫu
Nước thải	00499.NT01	Nước thải sau xử lý của hệ thống XLNT tập trung KCN Tân Phú X: 1246518; Y: 464407	Nước nhạt màu	TCVN 5999:1995; TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-3:2016.

10. Kết quả thử nghiệm:

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
				00499.NT01	Cột A (Kq = 1,0; Kf = 1,0)
1	Nhiệt độ(a)	^{0}C	SMEWW2550B:2023	32,7	**40**
2	pH(a)	--	TCVN 6492:2011	7,8	**6 - 9**
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)(a)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	17,9	**75**
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)(a)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	< MQL = 9	**50**
5	Amoni (NH_4^+ tính theo N)(a)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,22	**5**

" Chứng thư này ghi nhận kết quả thử nghiệm được thực hiện theo các yêu cầu đã thỏa thuận với khách hàng, bằng những phương tiện và thiết bị thích hợp, với sự mẫn cán và hiểu biết tốt nhất của phân tích viên tại thời gian và địa điểm thử nghiệm. Phạm vi trách nhiệm của VNEIC được quy định trong Luật thương mại của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ."

" This is to certify the results of testing carried out at the agreed requirements, with the best off our ability and due diligence, by suitable means and equipments, at the time and place of testing. Liability of VNEIC is stipulated in the Commercial Law of Socialist Republic of Vietnam."

MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
CHẤT LƯỢNG LÀ UY TÍN

Số: **VN260900499**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày 05 tháng 10 năm 2026

Ghi chú:

1. *Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm. Mọi thông tin trên phiếu kết quả được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Hết thời hạn lưu mẫu Công ty TNHH Đầu tư và Môi trường Việt Nam không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.*
2. *Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.*
3. *(a): Các chỉ tiêu đã được chứng nhận Vimcerts 308.*
4. *Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh; 05 ngày làm việc kể từ ngày trả kết quả đối với các mẫu còn lại.*
5. *MQL: Giới hạn định lượng/ MDL: Giới hạn phát hiện.*
6. *Quy chuẩn so sánh theo yêu cầu khách hàng: QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, Kq=1,0 và Kf = 1,0).*

Phụ trách phòng thử nghiệm

Võ Tấn Lợi

Giám đốc

M.S.D.N: 0311954489 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
P. HIỆP BÌNH - T.P HỒ CHÍ MINH

Tô Thị Hằng

" Chứng thư này ghi nhận kết quả thử nghiệm được thực hiện theo các yêu cầu đã thỏa thuận với khách hàng, bằng những phương tiện và thiết bị thích hợp, với sự mẫn cán và hiểu biết tốt nhất của phân tích viên tại thời gian và địa điểm thử nghiệm. Phạm vi trách nhiệm của VNEIC được quy định trong Luật thương mại của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ."

" This is to certify the results of testing carried out at the agreed requirements, with the best off our ability and due diligence, by suitable means and equipments, at the time and place of testing. Liability of VNEIC is stipulated in the Commercial Law of Socialist Republic of Vietnam."

MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
CHẤT LƯỢNG LÀ UY TÍN

VIMCERTS 308
VALAS 180

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (VNEIC)
Trụ sở: 54E đường số 18, KP3, phường Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh
Địa chỉ: 75N/2A đường số 2, KP29, phường Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh
Hotline: 0938 751 465 E-mail: dautu.moitruong@gmail.com
Website: http://dautumoitruong.com.vn

Số: **VN260900507**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày 03 tháng 10 năm 2026

1. Đơn vị yêu cầu **CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA**

2. Địa điểm lấy mẫu **KHU CÔNG NGHIỆP TÂN PHÚ**

3. Địa chỉ Phường Tân Phú, Thành phố Đồng Nai

4. Kế hoạch lấy mẫu Theo phiếu yêu cầu lấy mẫu số 458/280926XN ký ngày 28/09/2026

5. Ngày lấy mẫu 28/09/2026

6. Điều kiện môi trường lấy mẫu Trời nắng

7. Loại mẫu Nước thải Số lượng mẫu: 01

8. Ngày nhận mẫu 29/09/2026 Ngày thử nghiệm 29/09/2026 - 03/10/2026

9. Ký hiệu mẫu

Tên mẫu	Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tình trạng mẫu	Phương pháp lấy mẫu
Nước thải	00507.NT01	Nước thải sau xử lý của hệ thống XLNT tập trung KCN Tân Phú X: 1246518; Y: 464407	Nước nhạt màu	TCVN 5999:1995; TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-3:2016.

10. Kết quả thử nghiệm:

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
				00507.NT01	Cột A (Kq = 1,0; Kf = 1,0)
1	Nhiệt độ(a)	^{0}C	SMEWW2550B:2023	30,0	**40**
2	pH(a)	--	TCVN 6492:2011	7,9	**6 - 9**
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD) (a)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	20,8	**75**
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) (a)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	< MDL = 3	**50**
5	Amoni (NH_4^+ tính theo N) (a)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,12	**5**

" Chứng thư này ghi nhận kết quả thử nghiệm được thực hiện theo các yêu cầu đã thỏa thuận với khách hàng, bằng những phương tiện và thiết bị thích hợp, với sự mẫn cán và hiểu biết tốt nhất của phân tích viên tại thời gian và địa điểm thử nghiệm. Phạm vi trách nhiệm của VNEIC được quy định trong Luật thương mại của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ."

" This is to certify the results of testing carried out at the agreed requirements, with the best off our ability and due diligence, by suitable means and equipments, at the time and place of testing. Liability of VNEIC is stipulated in the Commercial Law of Socialist Republic of Vietnam."

MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
CHẤT LƯỢNG LÀ UY TÍN

Số: **VN260900507**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày 03 tháng 10 năm 2026

Ghi chú:

1. *Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm. Mọi thông tin trên phiếu kết quả được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Hết thời hạn lưu mẫu Công ty TNHH Đầu tư và Môi trường Việt Nam không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.*
2. *Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.*
3. *(a): Các chỉ tiêu đã được chứng nhận Vimcerts 308.*
4. *Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh; 05 ngày làm việc kể từ ngày trả kết quả đối với các mẫu còn lại.*
5. *MQL: Giới hạn định lượng/ MDL: Giới hạn phát hiện.*
6. *Quy chuẩn so sánh theo yêu cầu khách hàng: QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, Kq=1,0 và Kf = 1,0).*

Phụ trách phòng thử nghiệm

Võ Tấn Lợi

Giám đốc

M.S.D.N: 0311954489 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
P. HIỆP BÌNH - T.P HỒ CHÍ MINH

Tô Thị Hằng

" Chứng thư này ghi nhận kết quả thử nghiệm được thực hiện theo các yêu cầu đã thỏa thuận với khách hàng, bằng những phương tiện và thiết bị thích hợp, với sự mẫn cán và hiểu biết tốt nhất của phân tích viên tại thời gian và địa điểm thử nghiệm. Phạm vi trách nhiệm của VNEIC được quy định trong Luật thương mại của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ."

" This is to certify the results of testing carried out at the agreed requirements, with the best off our ability and due diligence, by suitable means and equipments, at the time and place of testing. Liability of VNEIC is stipulated in the Commercial Law of Socialist Republic of Vietnam."

MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
CHẤT LƯỢNG LÀ UY TÍN

VIMCERTS 308 VALAS 180

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (VNEIC)
Trụ sở: 54E đường số 18, KP3, phường Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh
Địa chỉ: 75N/2A đường số 2, KP29, phường Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh
Hotline: 0938 751 465 E-mail: dautu.moitruong@gmail.com
Website: http://dautumoitruong.com.vn

Số: **VN260900519**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày 06 tháng 10 năm 2026

1. Đơn vị yêu cầu **CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA**

2. Địa điểm lấy mẫu **KHU CÔNG NGHIỆP TÂN PHÚ**

3. Địa chỉ Phường Tân Phú, Thành phố Đồng Nai

4. Kế hoạch lấy mẫu Theo phiếu yêu cầu lấy mẫu số 467/290926XN ký ngày 29/09/2026

5. Ngày lấy mẫu 29/09/2026

6. Điều kiện môi trường lấy mẫu Trời nắng

7. Loại mẫu Nước thải Số lượng mẫu: 01

8. Ngày nhận mẫu 30/09/2026 Ngày thử nghiệm 30/09/2026 - 06/10/2026

9. Ký hiệu mẫu

Tên mẫu	Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tình trạng mẫu	Phương pháp lấy mẫu
Nước thải	00519.NT01	Nước thải sau xử lý của hệ thống XLNT tập trung Khu công nghiệp Tân Phú X: 1246518; Y: 464407	Nước nhạt màu	TCVN 5999:1995; TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-3:2016.

10. Kết quả thử nghiệm:

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
				00519.NT01	Cột A (Kq = 1,0; Kf = 1,0)
1	Nhu cầu oxy hóa học (COD) (a)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	24,9	75

Ghi chú:

1. *Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm. Mọi thông tin trên phiếu kết quả được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Hết thời hạn lưu mẫu Công ty TNHH Đầu tư và Môi trường Việt Nam không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.*
2. *Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.*
3. *(a): Các chỉ tiêu đã được chứng nhận Vimcerts 308.*

" Chứng thư này ghi nhận kết quả thử nghiệm được thực hiện theo các yêu cầu đã thỏa thuận với khách hàng, bằng những phương tiện và thiết bị thích hợp, với sự mẫn cán và hiểu biết tốt nhất của phân tích viên tại thời gian và địa điểm thử nghiệm. Phạm vi trách nhiệm của VNEIC được quy định trong Luật thương mại của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ."

" This is to certify the results of testing carried out at the agreed requirements, with the best off our ability and due diligence, by suitable means and equipments, at the time and place of testing. Liability of VNEIC is stipulated in the Commercial Law of Socialist Republic of Vietnam."

MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
CHẤT LƯỢNG LÀ UY TÍN

Số: **VN260900519**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày 06 tháng 10 năm 2026

4. *Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh; 05 ngày làm việc kể từ ngày trả kết quả đối với các mẫu còn lại.*
5. *MQL: Giới hạn định lượng/ MDL: Giới hạn phát hiện.*
6. *Quy chuẩn so sánh theo yêu cầu khách hàng: QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, Kq=1,0 và Kf = 1,0).*

Phụ trách phòng thử nghiệm

Võ Tấn Lợi

Giám đốc

M.S.D.N: 0311954489 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
P. HIỆP BÌNH - T.P HỒ CHÍ MINH

Tô Thị Hằng

" Chứng thư này ghi nhận kết quả thử nghiệm được thực hiện theo các yêu cầu đã thỏa thuận với khách hàng, bằng những phương tiện và thiết bị thích hợp, với sự mẫn cán và hiểu biết tốt nhất của phân tích viên tại thời gian và địa điểm thử nghiệm. Phạm vi trách nhiệm của VNEIC được quy định trong Luật thương mại của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ."

" This is to certify the results of testing carried out at the agreed requirements, with the best off our ability and due diligence, by suitable means and equipments, at the time and place of testing. Liability of VNEIC is stipulated in the Commercial Law of Socialist Republic of Vietnam."

MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
CHẤT LƯỢNG LÀ UY TÍN

VIMCERTS 308
VALAS 180

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (VNEIC)
Trụ sở: 54E đường số 18, KP3, phường Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh
Địa chỉ: 75N/2A đường số 2, KP29, phường Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh
Hotline: 0938 751 465 E-mail: dautu.moitruong@gmail.com
Website: http://dautumoitruong.com.vn

Số: **VN260900542**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày 08 tháng 10 năm 2026

1. Đơn vị yêu cầu **CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA**

2. Địa điểm lấy mẫu **KHU CÔNG NGHIỆP TÂN PHÚ**

3. Địa chỉ Phường Tân Phú, Thành phố Đồng Nai

4. Kế hoạch lấy mẫu Theo phiếu yêu cầu lấy mẫu số 485/290926XN ký ngày 30/09/2026

5. Ngày lấy mẫu 30/09/2026

6. Điều kiện môi trường lấy mẫu Trời nắng

7. Loại mẫu Nước thải Số lượng mẫu: 01

8. Ngày nhận mẫu 01/10/2026 Ngày thử nghiệm 01/10/2026 - 08/10/2026

9. Ký hiệu mẫu

Tên mẫu	Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tình trạng mẫu	Phương pháp lấy mẫu
Nước thải	00542.NT01	Nước thải sau xử lý của hệ thống XLNT tập trung KCN Tân Phú X: 1246518; Y: 464407	Nước nhạt màu	TCVN 5999:1995; TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-3:2016.

10. Kết quả thử nghiệm:

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
				00542.NT01	Cột A (Kq = 1,0; Kf = 1,0)
1	Nhu cầu oxy hóa học (COD) (a)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	47,1	75

Ghi chú:

1. *Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm. Mọi thông tin trên phiếu kết quả được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Hết thời hạn lưu mẫu Công ty TNHH Đầu tư và Môi trường Việt Nam không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.*
2. *Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.*
3. *(a): Các chỉ tiêu đã được chứng nhận Vimcerts 308.*

" Chứng thư này ghi nhận kết quả thử nghiệm được thực hiện theo các yêu cầu đã thỏa thuận với khách hàng, bằng những phương tiện và thiết bị thích hợp, với sự mẫn cán và hiểu biết tốt nhất của phân tích viên tại thời gian và địa điểm thử nghiệm. Phạm vi trách nhiệm của VNEIC được quy định trong Luật thương mại của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ."

" This is to certify the results of testing carried out at the agreed requirements, with the best off our ability and due diligence, by suitable means and equipments, at the time and place of testing. Liability of VNEIC is stipulated in the Commercial Law of Socialist Republic of Vietnam."

MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
CHẤT LƯỢNG LÀ UY TÍN

Số: **VN260900542**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày 08 tháng 10 năm 2026

4. *Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh; 05 ngày làm việc kể từ ngày trả kết quả đối với các mẫu còn lại.*
5. *MQL: Giới hạn định lượng/ MDL: Giới hạn phát hiện.*
6. *Quy chuẩn so sánh theo yêu cầu khách hàng: QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, Kq=1,0 và Kf = 1,0).*

Phụ trách phòng thử nghiệm

Võ Tấn Lợi

Giám đốc

M.S.D.N: 0311954489 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
P. HIỆP BÌNH - T.P HỒ CHÍ MINH

Tô Thị Hằng

" Chứng thư này ghi nhận kết quả thử nghiệm được thực hiện theo các yêu cầu đã thỏa thuận với khách hàng, bằng những phương tiện và thiết bị thích hợp, với sự mẫn cán và hiểu biết tốt nhất của phân tích viên tại thời gian và địa điểm thử nghiệm. Phạm vi trách nhiệm của VNEIC được quy định trong Luật thương mại của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ."

" This is to certify the results of testing carried out at the agreed requirements, with the best off our ability and due diligence, by suitable means and equipments, at the time and place of testing. Liability of VNEIC is stipulated in the Commercial Law of Socialist Republic of Vietnam."

MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
CHẤT LƯỢNG LÀ UY TÍN

VIMCERTS 308 VALAS 180

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (VNEIC)
Trụ sở: 54E đường số 18, KP3, phường Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh
Địa chỉ: 75N/2A đường số 2, KP29, phường Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh
Hotline: 0938 751 465 E-mail: dautu.moitruong@gmail.com
Website: http://dautumoitruong.com.vn

Số: **VN260900520**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày 08 tháng 10 năm 2026

1. Đơn vị yêu cầu **CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA**

2. Địa điểm lấy mẫu **KHU CÔNG NGHIỆP TÂN PHÚ**

3. Địa chỉ Phường Tân Phú, Thành phố Đồng Nai

4. Kế hoạch lấy mẫu Theo phiếu yêu cầu lấy mẫu số 468/290926XN ký ngày 29/09/2026

5. Ngày lấy mẫu 29/09/2026

6. Điều kiện môi trường lấy mẫu Trời nắng

7. Loại mẫu Nước thải Số lượng mẫu: 01

8. Ngày nhận mẫu 30/09/2026 Ngày thử nghiệm 30/09/2026 - 07/10/2026

9. Ký hiệu mẫu

Tên mẫu	Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tình trạng mẫu	Phương pháp lấy mẫu
Nước thải	00520.NT01	Nước thải sau xử lý của hệ thống XLNT tập trung KCN Tân Phú X: 1246518; Y: 464407	Nước nhạt màu	TCVN 5999:1995; TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-3:2016.

10. Kết quả thử nghiệm:

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
				00520.NT01	Cột A (Kq =1,0; Kf =1,0)
1	Nhiệt độ(a)	^{0}C	SMEWW2550B:2023	30,7	**40**
2	Độ màu(a)	Pt-Co	SMEWW 2120C:2023	22,3	**50**
3	pH(a)	--	TCVN 6492:2011	7,4	**6 - 9**
4	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD_5) (a)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	8,1	**30**
5	Nhu cầu oxy hóa học (COD) (a)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	24,9	**75**
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) (a)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	< MDL = 9	**50**

" Chứng thư này ghi nhận kết quả thử nghiệm được thực hiện theo các yêu cầu đã thỏa thuận với khách hàng, bằng những phương tiện và thiết bị thích hợp, với sự mẫn cán và hiểu biết tốt nhất của phân tích viên tại thời gian và địa điểm thử nghiệm. Phạm vi trách nhiệm của VNEIC được quy định trong Luật thương mại của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ."

" This is to certify the results of testing carried out at the agreed requirements, with the best off our ability and due diligence, by suitable means and equipments, at the time and place of testing. Liability of VNEIC is stipulated in the Commercial Law of Socialist Republic of Vietnam."

MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
CHẤT LƯỢNG LÀ UY TÍN

Số: **VN260900520**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày 08 tháng 10 năm 2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
				00520.NT01	Cột A (Kq =1,0; Kf =1,0)
7	Asen (As) (a)	mg/L	US EPA Method 200.7	< MDL = 0,015	**0,05**
8	Chì (Pb) (a)	mg/L	US EPA Method 200.7	< MDL = 0,015	**0,1**
9	Cadimi (Cd) (a)	mg/L	US EPA Method 200.7	< MDL = 0,0015	**0,05**
10	Crom (VI) (a)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	< MDL = 0,003	**0,05**
11	Crom III (Cr^{3+}) (a)	mg/L	US EPA Method 200.7 + SMEWW 3500-Cr.B:2023	0,018	**0,2**
12	Đồng (Cu) (a)	mg/L	US EPA Method 200.7	< MDL = 0,003	**2**
13	Kẽm (Zn) (a)	mg/L	US EPA Method 200.7	< MDL = 0,03	**3**
14	Mangan (Mn) (a)	mg/L	US EPA Method 200.7	< MQL = 0,01	**0,5**
15	Sắt (Fe) (a)	mg/L	US EPA Method 200.7	0,14	**1**
16	Tổng dầu, mỡ khoáng (a)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	< MDL = 1,2	**5**
17	Sulfur (S^{2-}) (a)	mg/L	SMEWW 4500-S2-B&D:2023	< MDL = 0,02	**0,2**
18	Amoni (NH_4^+ tính theo N) (a)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,06	**5**
19	Tổng N (a)	mg/L	TCVN 6638:2000	< MQL = 9	**20**
20	Tổng Phosphor (a)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2023	0,32	**4**
21	Clorua (Cl^-) (a)	mg/L	SMEWW 4500-Cl^-.B:2023	138,3	**500**
22	Clo dư (a)	mg/L	SMEWW 4500-Cl.B:2023	< MDL = 0,3	**1**
23	Coliform (a)	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	120	**3.000**

" Chứng thư này ghi nhận kết quả thử nghiệm được thực hiện theo các yêu cầu đã thỏa thuận với khách hàng, bằng những phương tiện và thiết bị thích hợp, với sự mẫn cán và hiểu biết tốt nhất của phân tích viên tại thời gian và địa điểm thử nghiệm. Phạm vi trách nhiệm của VNEIC được quy định trong Luật thương mại của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ."

" This is to certify the results of testing carried out at the agreed requirements, with the best off our ability and due diligence, by suitable means and equipments, at the time and place of testing. Liability of VNEIC is stipulated in the Commercial Law of Socialist Republic of Vietnam."

MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
CHẤT LƯỢNG LÀ UY TÍN

Số: **VN260900520**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày 08 tháng 10 năm 2026

Ghi chú:

1. *Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm. Mọi thông tin trên phiếu kết quả được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Hết thời hạn lưu mẫu Công ty TNHH Đầu tư và Môi trường Việt Nam không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.*
2. *Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.*
3. *(a): Các chỉ tiêu đã được chứng nhận Vimcerts 308.*
4. *Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh; 05 ngày làm việc kể từ ngày trả kết quả đối với các mẫu còn lại.*
5. *MQL: Giới hạn định lượng/ MDL: Giới hạn phát hiện.*
6. *Quy chuẩn so sánh theo yêu cầu khách hàng: QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, Kq=1,0 và Kf = 1,0).*

Phụ trách phòng thử nghiệm

Võ Tấn Lợi

Giám đốc

M.S.D.N: 0311954489 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
P. HIỆP BÌNH - T.P HỒ CHÍ MINH

Tô Thị Hằng

" Chứng thư này ghi nhận kết quả thử nghiệm được thực hiện theo các yêu cầu đã thỏa thuận với khách hàng, bằng những phương tiện và thiết bị thích hợp, với sự mẫn cán và hiểu biết tốt nhất của phân tích viên tại thời gian và địa điểm thử nghiệm. Phạm vi trách nhiệm của VNEIC được quy định trong Luật thương mại của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ."

" This is to certify the results of testing carried out at the agreed requirements, with the best off our ability and due diligence, by suitable means and equipments, at the time and place of testing. Liability of VNEIC is stipulated in the Commercial Law of Socialist Republic of Vietnam."

ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
QUATEST 3®
Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam 1196 3/2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326A122622 (MTTN26017558) (MT.2026.07327)	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** ***TEST REPORT***	12/10/2026 Trang/ *Page:* 1/9

1. Tên mẫu : **00520.NT01 - NƯỚC THẢI SAU XỬ LÝ CỦA HỆ THỐNG XLNT TẬP TRUNG KCN TÂN PHÚ (X: 1246518; Y: 464407)**
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp
   - Dạng mẫu: lỏng
   - Dụng cụ chứa: bình nhựa
   - Số đơn vị/mẫu: 2 L x 03
3. Số lượng mẫu : 01
4. Ngày nhận mẫu : 30/09/2026
5. Thời gian thử nghiệm : 30/09/2026 - 12/10/2026
6. Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA KHU CÔNG NGHIỆP TÂN PHÚ, PHƯỜNG TÂN PHÚ, TP. ĐỒNG NAI**
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Hoàng Linh

Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
   Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
   The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
   This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
   Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

Q326A122622
(MTTN26017558)
(MT.2026.07327)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

12/10/2026

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.1	Hàm lượng florua (F^-) (1)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	< 0,6 (LOQ)	0,2
7.2	Hàm lượng niken (Ni) (1)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,02
7.3	Hàm lượng thủy ngân (Hg) (1)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0002
7.4	Hàm lượng xyanua tổng (CN^-) (1)	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,01
7.5	Tổng phenol/ chỉ số phenol (1)	mg/L	TCVN 6216:1996	KPH	0,015
7.6	Dư lượng polychlorinated biphenyls (PCBs) (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	-	-
7.6.1	PCB 101 (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,00005
7.6.2	PCB 118 (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,00005
7.6.3	PCB 138 (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,00005
7.6.4	PCB 149 (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,00005
7.6.5	PCB 153 (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,00005

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

Q326A122622
(MTTN26017558)
(MT.2026.07327)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

12/10/2026

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.6.6	PCB 170 (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,00005
7.6.7	PCB 18 (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,00005
7.6.8	PCB 180 (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,00005
7.6.9	PCB 194 (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,00005
7.6.10	PCB 209 (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,00005
7.6.11	PCB 28 (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,00005
7.6.12	PCB 31 (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,00005
7.6.13	PCB 44 (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,00005

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

Q326A122622
(MTTN26017558)
(MT.2026.07327)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

12/10/2026

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.6.14	PCB 52 (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,00005
7.7	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ chlor hữu cơ (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	-	-
7.7.1	Hàm lượng alachlor (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,0001
7.7.2	Hàm lượng aldrin (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,0001
7.7.3	Hàm lượng dichloro diphenyl trichloroethane (DDTs) (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	-	-
7.7.3.1	Hàm lượng 4,4'-DDD (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,0003
7.7.3.2	Hàm lượng 4,4'-DDE (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,0003
7.7.3.3	Hàm lượng 4,4'-DDT (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,0003

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

Q326A122622
(MTTN26017558)
(MT.2026.07327)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

12/10/2026

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.7.4	Hàm lượng dieldrin (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,0001
7.7.5	Hàm lượng endosulfan I (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,0001
7.7.6	Hàm lượng endosulfan II (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,0001
7.7.7	Hàm lượng endosulfan sulfat (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,0001
7.7.8	Hàm lượng endrin (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,0001
7.7.9	Hàm lượng heptachlor và heptachlor epoxide (1)	-	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	-	-
7.7.9.1	Hàm lượng heptachlor (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,0001
7.7.9.2	Hàm lượng heptaclo epoxit (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,0001

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

Q326A122622
(MTTN26017558)
(MT.2026.07327)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

12/10/2026

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.7.10	Hàm lượng hexaclo benzen (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,0001
7.7.11	Hàm lượng metoxyclo (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,0001
7.7.12	Hàm lượng α-HCH (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,0001
7.7.13	Hàm lượng β-HCH (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,0001
7.7.14	Hàm lượng γ-HCH (lindan) (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,0001
7.7.15	Hàm lượng δ-HCH (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,0001
7.8	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ phospho hữu cơ (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3620C & US EPA 8270E	-	-
7.8.1	Chlorpyrifos (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3620C & US EPA 8270E	KPH	0,0001

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam 1196 3 Street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326A122622
(MTTN26017558)
(MT.2026.07327)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

12/10/2026

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.8.2	Chlorpyrifos methyl (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3620C & US EPA 8270E	KPH	0,0001
7.8.3	Diazinon (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3620C & US EPA 8270E	KPH	0,0001
7.8.4	Disulfoton (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3620C & US EPA 8270E	KPH	0,0001
7.8.5	Ethion (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3620C & US EPA 8270E	KPH	0,0001
7.8.6	Fenithion (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3620C & US EPA 8270E	KPH	0,0001
7.8.7	Fenitrothion (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3620C & US EPA 8270E	KPH	0,0001
7.8.8	Malathion (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3620C & US EPA 8270E	KPH	0,0001
7.8.9	Parathion ethyl (parathion) (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3620C & US EPA 8270E	KPH	0,0001

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

Q326A122622
(MTTN26017558)
(MT.2026.07327)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

12/10/2026

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.8.10	Parathion methyl (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3620C & US EPA 8270E	KPH	0,0001
7.8.11	Phenthoate (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3620C & US EPA 8270E	KPH	0,0001
7.8.12	Phorate (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3620C & US EPA 8270E	KPH	0,0001
7.8.13	Phosphamidon (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3620C & US EPA 8270E	KPH	0,0001
7.8.14	Pirimiphos ethyl (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3620C & US EPA 8270E	KPH	0,0001
7.8.15	Pirimiphos methyl (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3620C & US EPA 8270E	KPH	0,0001
7.8.16	Terbufos (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3620C & US EPA 8270E	KPH	0,0001
7.9	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng (1)	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,03
7.10	Hoạt độ phóng xạ beta tổng (1)	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	0,46	-

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

Q326A122622
(MTTN26017558)
(MT.2026.07327)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

12/10/2026

- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia
- US EPA: United States Environmental Protection Agency
- (1): Các chỉ tiêu được chứng nhận VIMCERTS 078

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.